

纂集天南四至路圖書卷之四

自京城至北關門

一陸路橋渡驛舍序次

一水道江河溪港序次

Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư, quyển chi tứ

Tự kinh thành chí Bắc Quan môn

- *Nhất lục lộ kiều độ dịch xá tự thứ.*
- *Nhất thủy đạo giang hà khe cảng tự thứ.*

Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư, quyển thứ tư

Từ kinh thành đến cửa Bắc Quan

- *Thứ tự đường bộ, cầu đò, nhà trạm.*
- *Thứ tự đường thủy, sông, ngòi, khe, cảng.*

Cát hành nhất nhật túc Thị Cầu; nhị nhật túc Cầu Doanh; tam nhật túc Tân Đệ; tứ nhật túc động Chi Lăng; ngũ nhật túc Thành Chuyên; lục nhật túc Quan Môn.

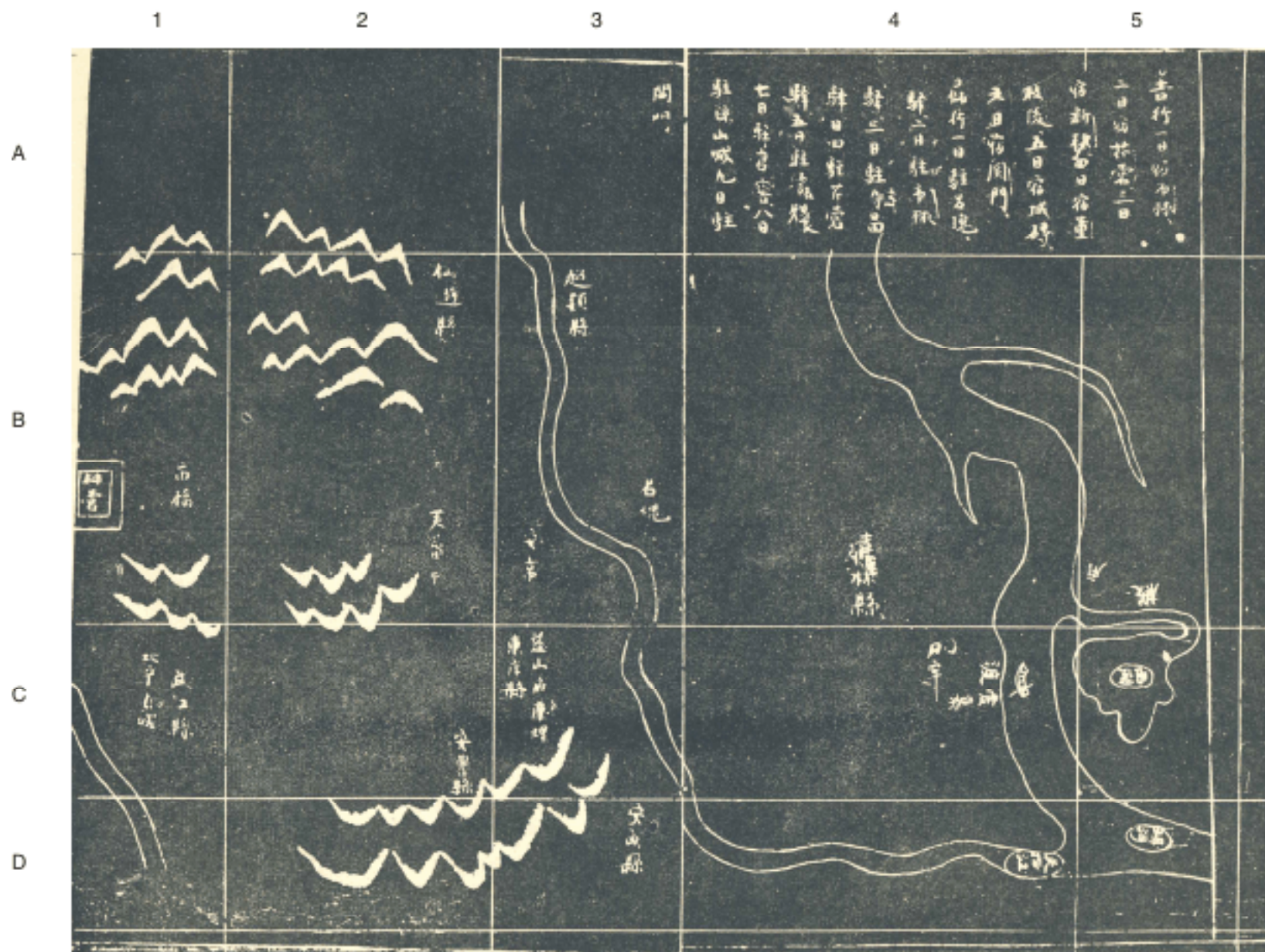
Sư hành nhất nhật trú Lữ Khôi dịch; nhị nhật trú Thị Cầu dịch; tam nhật trú Thọ Xương dịch; tứ nhật trú Cần Doanh dịch; ngũ nhật trú Suối Nắng; thất nhật trú Đèo Khéo; bát nhật trú Lạng Sơn thành; cửu nhật trú Quan Môn.

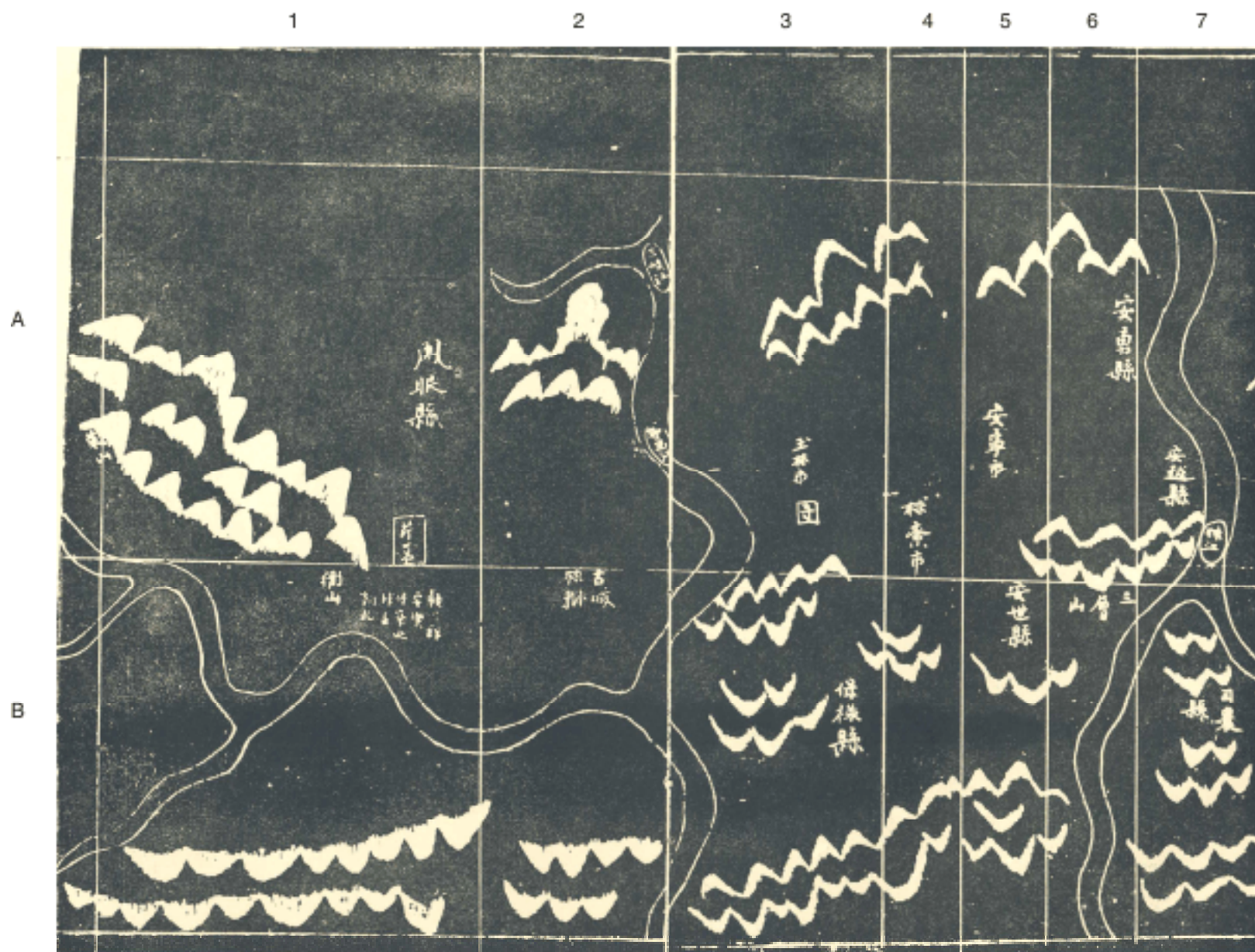
Chọn ngày tốt mà đi 1 ngày thì trọ ở Thị Cầu; đi 2 ngày thì trọ ở Cầu Doanh; đi 3 ngày thì trọ ở Tân Đệ; đi 4 ngày thì trọ ở động Chi Lăng; đi 5 ngày thì trọ ở Thành Chuyên; đi 6 ngày thì trọ ở Quan Môn.

Quân đội đi 1 ngày thì đóng ở nhà trạm Lữ Khôi; đi 2 ngày thì đóng ở trạm Thị Cầu; đi 3 ngày thì đóng ở trạm Thọ Xương; đi 4 ngày thì đóng ở trạm Cầu Doanh; đi 5 ngày thì đóng ở Suối Nắng; đi 7 ngày thì đóng ở Đèo Khéo; đi 8 ngày thì đóng ở thành Lạng Sơn; đi 9 ngày thì đóng ở Quan Môn.

[Địa danh trên bản đồ trang 79]

1. **B:** Cầu Doanh - Thị Kiều; **C:** Bắc Ninh tỉnh thành - Vũ Giang huyện.
2. **B:** Tiên Du huyện - Phù Lưu thị; **C:** Yên Phong huyện.
3. **B:** Siêu Loại huyện - An Thường - Lữ Khôi; **C:** Đông Ngạn huyện - Từ Sơn phủ - Liêm Lý; **D:** An Lăng huyện.
4. **B:** Gia Lâm huyện; **C:** Ái Mộ độ - Điều Lao; **D:** Thiên Đức giang.
5. **B:** Phủ - Điện; **C:** Tây Hồ; **D:** Nhĩ Hà.





[Địa danh trên bản đồ trang 80]

1. **A:** Thái Sơn - Phượng Nhãn huyện - Cần Doanh; **B:** Vệ Sơn - Dĩnh Xuyên quán - An Lạc - Thế Sát tuần - Cầu Bôi (?) - Cửa Kiển.
2. **A:** Tam Kỳ giang - Thọ Xương giang; **B:** Cổ Thành - Cầu Nhỏ.
3. **A:** Ngọc Lâm thị - Tự; **B:** Bảo Lộc huyện.
4. **A:** Cầu Hệ thị.
5. **A:** An Ninh thị; **B:** Yên Thế huyện.
6. **A:** Yên Dũng huyện; **B:** Tam Tầng sơn.
7. **A:** An Việt huyện - Cầu Giang; **B:** Tư Nông huyện.

[Địa danh trên bản đồ trang 83]

1. Suối Bộc.
2. Thượng Cường.
3. Đèo Bà tức Mẫu Sơn.
4. Đèo Ông tức Phụ Sơn.
5. Tân Đệ - Bát Vị Khê.
6. Cây Khế.
7. Đèo Linh.





[Địa danh trên bản đồ trang 84]

1. Vườn Chồi.
2. Đôn Chiên.
3. Khéo Con.
4. Khéo Na.
5. Voi ... [một chữ không rõ]
6. Nhân Lý - Hàng Cắm chỉnh [?].
7. Quỷ Môn.
8. Động Chi Lăng.
9. Suối Rắn.